

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 10 - 2018.

*V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Mỹ Sum.

2. Ông Nguyễn Hải.

Thư ký phiên Tòa: ông Dương Khánh Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: anh Trần Thế A - sinh năm 1987;

Trú tại: Khu phố 02, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

2/ Bị đơn: chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/6/2018, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thế A trình bày: anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường M (*viết tắt: UBND phường M*), thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 19/5/2011.

Vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc được 02 năm thì cô H lao vào cờ bạc, nhậu nhẹt bỏ bê con cái nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Đến đầu năm 2013, do nghe lời bạn bè xấu, cô H bỏ đi để con nhỏ mới 02 tuổi cho anh nuôi đến nay không hề quan tâm tới lui chăm sóc. Thời gian đầu vợ chồng sống ly thân, vì con còn nhỏ nên anh nhiều lần khuyên giải, hàn gắn nhưng cô H vẫn không có ý kiến gì và vẫn không thay đổi cách sống. Do anh không thuyết phục được vợ nên anh không liên lạc, qua lại cho đến nay đã hơn 4 năm, tình cảm vợ chồng không còn,

khả năng hàn gắn để chung sống hạnh phúc không có nên yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nhật T - sinh ngày 09/01/2011 hiện do anh đang nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Chị Nguyễn Thị H đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Anh Trần Thế A khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị H đang trú ở thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận và yêu cầu giải quyết được nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt: BLTTDS), xác định yêu cầu khởi kiện của anh A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam. Căn cứ điều 195 BLTTDS, Tòa án tiến hành thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- *Sự vắng mặt của bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh A xác nhận đã tự nguyện chung sống với chị H từ năm 2010; căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 48 ngày 19/5/2011 của UBND phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, Hội đồng xét xử khẳng định hôn nhân giữa anh A và chị H là hôn nhân hợp pháp.

- *Tình trạng hôn nhân:* Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2018, anh Nguyễn Văn H là anh ruột chị Nguyễn Thị H xác nhận: anh có nhận Thông báo thụ lý vụ án và các loại giấy triệu tập của Tòa án huyện T về việc anh A làm đơn ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung với chị. Anh có giao cho chị H thì chị H thông báo với anh sẽ không đến Tòa, Tòa muốn giải quyết thế nào chị đều chấp nhận. Như vậy, căn cứ lời khai của anh Nguyễn Văn H xác định chị H biết được yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản đối lời khai của anh A, không đến Tòa theo giấy triệu tập là tự tước bỏ quyền bác bỏ của mình được quy định tại khoản 3 điều 72 BLTTDS. Căn cứ khoản 2 điều 92 BLTTDS kết luận: anh A và chị H chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân xuất phát từ lối sống thiếu trách nhiệm với chồng con của chị H dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh A nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng chị H không có thiện chí, bỏ mặc; điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh A và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh A yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- *Về con chung:* Căn cứ lời trình bày của anh A và Giấy khai sinh số 107/2011 ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân xã P, xác định: Vợ chồng anh A, chị H có 01 người con chung là Trần Nhật T - sinh ngày 09/01/2011. Từ khi vợ

chồng sống ly thân, anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị H không lui tới thăm nom, chăm sóc con cái. Tại phiên tòa, anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Căn cứ khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh A.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh A tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh A không yêu cầu giải quyết, chị H không có yêu cầu phản tố về phần này nên không có cơ sở xem xét.

[3]. Án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: anh A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của kiểm sát viên: Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh A được ly hôn chị H; anh A được quyền nuôi 01 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện; anh A phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại điều 147 BLTTDS. Xét thấy đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thế A và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Trần Thế A, giao 01 con chung tên Trần Nhật T - sinh ngày 09/01/2011 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Thế A tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Trần Thế A phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016267 ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND p. M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thúc